

Bản án số: 59/2023/DS-PT

Ngày 21 - 7 - 2023

“V/v Tranh chấp kiện đòi tài
sản là quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm
2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022
của Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2019/QĐ-PT ngày
09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu 3, thôn
Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V; (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ,
huyện Y, tỉnh V; (Có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

- Bà Kim Thị L, sinh năm 1982; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn X, xã C, huyện V, tỉnh V.

4. **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu 2,
thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh V; (có mặt).

5. **Người kháng cáo:** Không

6. **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, anh Phạm Văn M trình bày:

Do có nhu cầu mua đất nên ngày 04/12/2020, giữa anh và vợ chồng ông Nguyễn Văn K bà Kim Thị L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 1009, tờ bản đồ số 16, diện tích 148,3m² địa chỉ tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh V cùng toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất (gọi tắt là thửa đất 1009) với giá thực tế là 730.000.000đ. Do các tài sản xây dựng gắn liền trên đất không được Nhà nước cấp quyền sở hữu thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời các tài sản đều đã hết thời gian khấu hao sử dụng nên anh và vợ chồng ông K bà L đã thỏa thuận chuyển nhượng các tài sản gắn liền với đất bên ngoài hợp đồng chuyển nhượng để thuận lợi cho việc công chứng hợp đồng tại Văn phòng công chứng khi hoàn thiện hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất. Các tài sản xây dựng gắn liền với thửa đất 1009 gồm 01 ngôi nhà cấp bốn xây 03 gian và 02 gian công trình phụ liền kề. Tuy giá thỏa thuận chuyển nhượng thực tế là 730.000.000đ nhưng vì muốn nộp thuế ít nên anh và vợ chồng ông K bà L đã thống nhất ghi giá chuyển nhượng trong hợp đồng là 300.000.000đ. Sau khi hoàn tất xong thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, ngày 31/12/2020 anh được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1009 theo quy định. Ngày anh đến nhận đất và nhà để sử dụng thì bị ông Nguyễn Văn P ngăn cản không cho anh vào nhận đất và sử dụng tài sản của mình.

Trước khi mua thửa đất 1009, anh được vợ chồng ông K, bà L cho biết. Do vợ chồng ông K chưa sử dụng đất và nhà nên ông bà có cho người ở nhờ khi nào anh đến sử dụng thì vợ chồng ông K bà L sẽ báo người ở nhờ trả đất và nhà cho anh. Trong thời gian chờ hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, có một vài lần anh có đến thăm thửa đất 1009 thì không có lần nào anh gặp được người mượn nhà ở nhờ. Đến khi anh vào sử dụng đất và nhà thì mới biết ông P là chủ cũ đang ở trên nhà và đất của mình. Nhiều lần anh yêu cầu ông P phải dọn nhà ở chỗ khác trả lại tài sản cho anh nhưng ông P không trả. Vì vậy, anh M yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả lại quyền sử dụng thửa đất 1009 và các tài sản xây dựng gắn liền với đất mà anh đã nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông K, bà L. Anh M khẳng định, thửa đất 1009 là tài sản riêng của anh không phải là tài sản chung của vợ chồng anh.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, anh M tự nguyện chịu toàn bộ 4.100.000đ chi phí thẩm định, định giá và lệ phí đo đạc kiểm tra hiện trạng đất.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn P trình bày:

Thửa đất 1009 có nguồn gốc là đất của ông cha ông để lại cho một mình ông, vợ con ông không ai có công sức gì đóng góp vào khối tài sản này. Năm 2019, ông có vay của anh Nguyễn Văn B 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Đến ngày trả nợ ông không trả được nợ cho anh B nên anh B bảo ông phải đến Văn phòng công chứng ký ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 1009 cho vợ chồng ông K, bà L thì họ cho vay tiền. Vay 200.000.000đ, B là người nhận tiền vợ chồng ông K. Ông thừa nhận, lúc ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông K bà L hoàn toàn do ông tự nguyện. Tuy nhiên, ông chỉ suy nghĩ đơn giản rằng ký hợp đồng chuyển nhượng đất là hình thức bảo đảm để cho anh B và ông vay tiền của vợ chồng ông K bà L chứ ông không nhận thức được ký hợp đồng chuyển nhượng là bán thửa đất 1009 cho vợ chồng ông K bà L.

Ông khẳng định, ông không nhận của vợ chồng ông K bà L số tiền 700.000.000đ chuyển nhượng đất bao giờ. Việc anh B vay tiền của vợ chồng ông K bà L như thế nào, thỏa thuận bao nhiêu thì ông không rõ. Do ông tin tưởng anh B nên ông và anh B không có văn bản thỏa thuận gì, ông cũng không có tài liệu gì chứng cứ việc ông vay tiền của anh B và anh B đem quyền sử dụng thửa đất 1009 của ông để vay tiền của ông K bà L. Ông thừa nhận, ông có biết việc vợ chồng ông K bà L chuyển nhượng thửa đất 1009 của ông cho anh M, lúc đó ông chỉ nghĩ đợi anh B đi tù về thì ông và anh B cùng nhau đến nhà ông K bà L để giải quyết. Khi được Tòa án gọi lên làm việc ông không có ý kiến thắc mắc gì, nay anh B đã đi chấp hành án về thì anh B sẽ đứng ra giải quyết với vợ chồng ông K, bà L nên ông không có ý kiến đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K và bà Kim Thị L thống nhất trình bày như sau:

Ông bà thừa nhận, các thông tin về việc ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 1009 giữa ông bà và anh M diễn ra đúng như lời trình bày của anh M ở trên.

Khi ký hợp đồng chuyển nhượng đất với ông P, giữa ông bà và ông P đã thống nhất với nhau bằng miệng là ông bà nhận chuyển nhượng toàn bộ các tài sản xây dựng gắn liền trên đất của ông P đúng như thỏa thuận của ông bà thống nhất với anh M. Do tài sản của ông P không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng như đất nên không được phép mô tả vào trong hợp đồng chuyển nhượng.

Tiền mua đất là tiền mặt chứ không có việc chuyển giao từ việc vay nợ chuyển sang. Thời điểm ông bà nhận chuyển nhượng thửa đất 1009 của ông P, giá chuyển nhượng thực tế là 700.000.000đ không phải là giá 200.000.000đ như ghi trong hợp đồng. Do muốn nộp thuế ít nên ông bà và ông P đã thống nhất để mức giá chuyển nhượng thấp như trong hợp đồng. Ông bà khẳng định, nguồn tiền ông bà giao cho ông P là tiền mặt không phải là tiền vay nợ của ông P hay của anh B. Giữa ông, bà và anh B không có quan hệ quen biết gì với nhau. Số

tiền thực tế ông P nhận của ông bà là 700.000.000đ. Sau khi ông bà giao đủ tiền chuyển nhượng đất cho ông P thì ông P bàn giao cho ông bà. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ tùy thân của mình cho ông bà để ông bà đi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, giữa ông bà và ông P không lập văn bản gì thỏa thuận ngoài hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 1009. Do ông bà không có nhu cầu sử dụng thửa đất 1009 nên ông bà đã chuyển nhượng lại thửa đất 1009 và các tài sản xây dựng gắn liền với đất cho anh M. Ông bà khẳng định, giao dịch chuyển nhượng đất và các tài sản xây dựng gắn liền với thửa đất 1009 giữa ông bà và anh M là hoàn toàn hợp pháp.

Lời khai của anh Nguyễn Văn B trình bày:

Năm 2019, anh có gặp khó khăn về tài chính nên anh đã đến nhờ ông P cho anh mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1009 để anh đem đi thế chấp vay tiền. Anh đã thế chấp thửa đất trên của ông P cho ông K bà L để vay số tiền 200.000.000đ, trong số tiền anh vay ở trên, anh sử dụng 155.000.000đ còn ông P sử dụng 45.000.000đ.

Để đảm bảo khoản vay nợ trên, vợ chồng ông K yêu cầu anh phải bắt ông P ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 1009 cho vợ chồng ông K nên mới có việc ông P ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 1009 cho vợ chồng ông K. Sau khi ông P ký hợp đồng chuyển nhượng đất, hằng tháng anh vẫn đến nhà ông K bà L để đóng tiền lãi vay đối với số tiền 200.000.000đ với mức lãi 2000đ/1triệu/ngày. Ban đầu anh đóng lãi đều được vài tháng thì anh mất khả năng đóng lãi. Anh đã nhờ gia đình anh đứng ra trả cho vợ chồng ông K số tiền anh vay trên để lấy lại Giấy chứng nhận thửa đất 1009 về trả cho ông P. Tuy nhiên, vợ chồng ông K không đồng ý nhận số tiền 200.000.000đ mà anh đã vay, ông K bà L yêu cầu ông P phải trả thửa đất 1009 cho vợ chồng ông K bà L đồng thời trốn tránh việc nhận lại số tiền đã cho anh vay. Cùng thời điểm đó anh bị Tòa án tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù nên anh phải đi trả nợ án, đến nay anh đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống.

Anh khẳng định, ông P không chuyển nhượng thửa đất 1009 cho vợ chồng ông K bà L với giá 700.000.000đ như lời trình bày của vợ chồng ông K bà L tại Tòa án. Ông P với anh chỉ vay của vợ chồng ông K bà L 200.000.000đ đúng như giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng chuyển nhượng đất ký ngày 19/06/2019 giữa ông P và vợ chồng ông K bà L. Bản thân anh không có chứng cứ gì để chứng minh việc anh vay tiền và trả tiền lãi hằng tháng đối với số tiền anh đã vay của vợ chồng ông K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P.

- Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả lại cho anh Phạm Văn M quyền sử dụng thửa đất và các tài sản gắn liền với thửa đất 1009, tờ bản đồ 16, diện tích 148,3m², địa chỉ tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh V, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 855953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp 31/12/2020 đứng tên anh Phạm Văn M.

Vị trí thửa đất 1009 được xác định bởi các chỉ giới: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/01/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có quyết định kháng nghị số 108/QĐKNPT-VKS-DS toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Yên lạc giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát không rút kháng nghị, giữ nguyên quyết định kháng nghị, không sửa đổi, bổ sung gì.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Anh M không có ý kiến gì đối với kháng nghị.

- Ông P đồng ý với kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Yên lạc giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trong thời hạn kháng nghị nên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Văn K bà Kim Thị L vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng nghị Bản án sơ thẩm không xem xét, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/6/2019 giữa ông P với vợ chồng ông K, bà Loan nhưng đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa giải quyết hết những vấn đề của vụ án, đánh giá không hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự về đánh giá chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này, xuất phát từ việc ngày 19/6/2019, giữa ông P và vợ chồng ông K, bà L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 16, diện tích 148,3m², tại thôn Đồng Lạc 3, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Phúc (Ngày 04/12/2019, ông K và bà L được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT425827 đứng tên vợ chồng ông K, bà L). Đến ngày 04/12/2000, vợ chồng ông K, bà L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh M (Anh M được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 85593 ngày 31/12/2020).

Tuy nhiên khi anh M đến để sử dụng thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 16, diện tích 148,3m², tại thôn Đồng Lạc 3, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Phúc thì bị ông P ngăn cản và ông P cho rằng không chuyển nhượng cho ông K, bà L và vẫn ở trên nhà đất của mình từ trước đến nay chưa chuyển giao tài sản cho ông K, bà L bao giờ.

Trong vụ án này, khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thì ông P chỉ trình bày ngắn gọn là ông ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông K bà L với suy nghĩ đơn giản rằng ký hợp đồng chuyển nhượng đất là hình thức bảo đảm để cho anh B và ông vay tiền của vợ chồng ông K bà L và thực tế anh B là người nhận tiền của ông K, bà L. Tại thời điểm Tòa án sơ thẩm lấy lời khai của ông thì anh B đang đi chấp hành án phạt tù nên ông đề nghị để khi nào anh B ra tù thì anh B sẽ cùng ông giải quyết vướng mắc với ông K, bà L chứ không phải ông P đồng ý với đơn khởi kiện của anh nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cả ông P và anh B đều trình bày tình tiết mới là: Năm 2019 ông P có vay anh B 25 triệu nhưng mãi không trả được. Thời điểm đó ông P lúc đó đang “Cắm bìa đỏ” của thửa đất đang tranh chấp (Tức thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để vay một người khác trong làng là ông Trần Văn Chương có số điện thoại là 0978211741, vợ tên Minh với số tiền 20 triệu. Anh B và ông P thống nhất anh B sẽ bỏ ra 20 triệu trả ông Chương để “Nhỏ sổ đỏ” của ông P ra và như vậy ông P vay của anh B tổng số 45 triệu đồng. Anh B bảo ông P thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P để anh

B vay ông K 200.000.000đ Ông P đồng ý cho anh B mượn số đó để anh B thế chấp cho ông K, bà L vay số tiền 200 triệu. Anh B là người đưa ông P đến văn phòng công chứng để làm hợp đồng vay tiền ông K, bà L. Khi đến văn phòng công chứng thì anh B ở ngoài không biết ông P và ông K, bà L ký kết hợp đồng gì với nhau. Sau đó ông P về, anh B là người nhận 200.000.000đ tiền vay lãi của ông K, bà L (Trong 200.000.000đ vay của ông K thì coi như ông P trả nợ xong anh B 45.000.000đ mà ông P nợ anh B trước đó, còn 155.000.000đ anh B sử dụng nên ông P không được cầm đồng nào từ số tiền anh B nhận của ông K). Ông P không biết anh B nhận tiền của ông K, bà L khi nào, ở đâu.

Anh B còn trình bày: Có trả lãi cho ông K, bà L được 2, 3 tháng thì bị bắt về hành vi đánh bạc nên không trả được, anh có nhờ mẹ anh là bà Trần Thị Luyến, sinh năm 1968 ở Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh V mang 200.000.000đ đi cùng ông P đến nhà ông K để trả nợ hộ. Có lần khác có anh Nguyễn Văn Lâm, sinh năm 1993, địa chỉ Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh V đi cùng mẹ anh để trả nợ nhưng ông vợ chồng ông K không đồng ý nhận số tiền 200.000.000đ mà anh đã vay, ông K bà L yêu cầu ông P phải trả thửa đất 1009 cho vợ chồng ông K bà L đồng thời trốn tránh việc nhận lại số tiền đã cho anh vay.

Như vậy, cần làm rõ việc ông P ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 1009 có phải là giả cách để thực hiện mục đích cho anh B vay tiền ông K, bà L hay không?

Ông K, bà L khẳng định: Nguồn tiền ông bà giao cho ông P là tiền mặt không phải là tiền vay nợ của ông P hay của anh B. Giữa ông bà và anh B không có quan hệ quen biết gì với nhau. Số tiền thực tế ông P nhận của ông bà là 700.000.000đ nhưng không đưa ra được giấy tờ hay chứng cứ khác để chứng minh. Như vậy, có sự mâu thuẫn giữa việc ông K, bà L đưa tiền cho ông P hay đưa tiền cho anh B cũng chưa được làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm không có mặt ông K, bà L và những người như bà Luyến, ông Chương, anh Lâm nên Hội đồng xét xử không thể làm rõ những tình tiết nói trên.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông K, bà L, anh M và căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/12/2020 giữa vợ chồng ông K với anh M và việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh M để buộc ông P phải trả cho anh M thửa đất số 1009 mà không xem xét đến tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/6/2019 giữa ông P và vợ chồng ông K là chưa xem xét hết vấn đề của vụ án. Cần thiết làm rõ có hay không việc anh B vay nợ ông K, bà L? Có hay không việc người thân của Bình và ông P đến nhà ông K trả nợ thay cho Bình nhưng ông K, bà L không nhận? Tại sao việc giao tiền cho nhau vay hoặc tiền chuyển nhượng đất như các đương sự trình bày lại không viết biên nhận? Có khi nào

ông P chuyển giao nhà đất cho ông K hay không? Mượn có giấy tờ gì không? Trên cơ sở đó để đánh giá toàn diện vụ án.

Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa đánh giá chứng cứ đầy đủ, đồng thời có thêm những tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, do đó cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng nghị, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Yên Lạc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trọng Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nguyễn Vĩnh Thành

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Yên Lạc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành